

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:100/2018/HS-ST
Ngày 26-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiếp Tập

2. Bà Vũ Thị Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Chung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa: Ông Lê Công Sỏi - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí - tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 107/2018/TLST- HS ngày 10 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2018/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 7 năm 2018 đối với:

Bị cáo: **Nguyễn Việt T**; tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh ngày: 15 tháng 01 năm 1987; tại: Uông Bí, Quảng Ninh; nơi ĐKNKTT: Tổ 5 khu B1, phường Ph, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 10/12; con ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị Tr; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: năm 2004, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 03 năm tù, về tội “Cướp tài sản”, năm 2005 đã chấp hành xong. Năm 2006, Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, xử phạt 12 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, năm 2007 đã chấp hành xong; bị cáo bị tạm giữ ngày 29-4-2018 và tạm giam ngày 05-5-2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Thanh Ph, sinh năm: 1990; trú tại: tổ 7, khu B2, phường Ph, thành phố U, Quảng Ninh; vắng mặt

- Người chứng kiến:

1. Anh Đỗ Ngọc H, sinh năm 1959; địa chỉ: tổ 36B, khu 10, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

2. Anh Lại Văn Ph1, sinh năm 1979; địa chỉ: tổ 26, khu 7, phường N, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 0 giờ 30 phút, ngày 29/4/2018, tại đoạn đường bê tông thuộc Tổ 36B, khu 10, phường Q, thành phố U, Công an phường Q kiểm tra hành chính 02 nam thanh niên là Nguyễn Việt T và Nguyễn Thanh Ph đi trên xe mô tô do Ph điều khiển, đã phát hiện bắt quả tang Nguyễn Việt T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ trong túi quần phía trước bên phải T mặc trên người 01 túi nilon màu trắng, bên trong chứa chất bột dạng cục màu vàng nhạt. Ngoài ra, Công an còn thu giữ của Tuấn 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen, bên trong có 01 sim điện thoại và số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng); Thu giữ của Ph 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, biển kiểm soát 16R5-7114 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 đã qua sử dụng, bên trong có 01 sim điện thoại.

Tại Kết luận giám định số 341/GĐMT, ngày 01/5/2018, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Yêu cầu giám định mẫu vật có khối lượng **0,176gam** (không phải một bảy sáu gam) vượt khả năng chuyên môn của giám định viên Phòng KTHS Công an tỉnh Quảng Ninh, đề nghị Cơ quan CSĐT Công an TP U trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ Công an giám định.

Tại Kết luận giám định số 2322/C54(TT2), ngày 11/5/2018, của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Chất bột màu vàng nhạt gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine và MDMA.

Quá trình điều tra, Nguyễn Việt T khai nhận: Khoảng 23 giờ ngày 28/4/2018, Ph điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16R5-7114 chở T từ nhà T ở khu B1, phường Ph đến khu vực đường bê tông phường Q, mục đích để trả nợ. Khi đi đến cuối đoạn đường bê tông thuộc Tổ 36B khu 10, phường Q thì bị Công an phường Q kiểm tra, phát hiện và thu giữ trong túi quần phía trước bên phải T đang mặc 01 (một) túi nilon màu trắng, bên trong chứa chất bột dạng cục màu vàng nhạt là ma túy dạng thuốc lắc. Số ma túy này T có được là do một người bạn tên V ở M (T không rõ họ, địa chỉ cụ thể) sử dụng vào đêm ngày 27/4/2018 tại quán Bar Emotion thuộc phường Y, thành phố U còn thừa lại cho, T cất giấu số ma túy trên mục đích nếu có dịp sẽ mang ra sử dụng. Nguyễn Thanh Ph đi cùng T là hàng xóm không biết T cất giấu ma túy trên người. Ngoài ra, Công an còn thu giữ của T 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen, bên trong có 01 sim và số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng);

Vật chứng ma túy được Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát Bộ Công an sử dụng vào giám định hết, không hoàn lại.

Quá trình điều tra, xác định số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) là của bà Vũ Thị Tr (mẹ T) đưa T để đem trả tiền mua tủ lạnh cho gia đình; Chiếc điện thoại hiệu Nokia 105 màu đen đã thu giữ của T, quá trình điều tra xác định T không sử dụng vào

việc phạm tội. Ngày 23/6/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền và giao chiếc điện thoại trên cho bà Tr quản lý.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, biển kiểm soát 16R5-7114 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, bên trong có 01 sim thu giữ của anh Ph; quá trình điều tra xác định chiếc xe này là của anh Hoàng Xuân C cho anh Ph mượn. Ngày 22/6/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại anh Hoàng Xuân C 01 chiếc xe mô tô trên. Chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 1280 và sim liên lạc, thu giữ của anh Ph không liên quan đến việc phạm tội. Ngày 22/6/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại trên cho anh Ph.

Tại bản Cáo trạng số 110/CT – VKSUB ngày 06 - 7 - 2018, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí đã truy tố bị cáo Nguyễn Việt T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự .

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như tóm tắt nội dung vụ án đã nêu và thừa nhận bị truy tố đúng người, đúng tội.

Người làm chứng anh Nguyễn Thanh Ph, Đỗ Ngọc H và anh Lại Văn Ph1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng các lời khai thể hiện trong hồ sơ (từ bút lục 41 đến 58) phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Việt T với mức hình phạt tù 12 (mười hai) tháng tù đến 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng của vụ án không liên quan đến hành vi phạm tội đã được Cơ quan cảnh sát điều tra xử lý, giao trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp và số ma túy thu giữ của bị cáo, không hoàn lại sau giám định nên không đề cập giải quyết.

Bị cáo không tranh luận với lời luận tội của Viện kiểm sát; tại lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng: Những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, của Điều tra viên, của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định của

Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai xác nhận của những người làm chứng, người chứng kiến và nội dung Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ của vụ án, kết luận giám định cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 0 giờ 30 phút, ngày 29/4/2018, tại đoạn đường bê tông thuộc Tổ 36B, khu 10, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Việt T có hành vi tàng trữ trái phép 0,176gam (không phải một bảy sáu gam) ma túy, loại Methamphetamine và MDMA, mục đích để sử dụng thì bị Công an bắt quả tang.

Bị cáo là người có đủ năng lực, trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi do lỗi cố ý thuộc trường hợp nghiêm trọng; hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí truy tố và kết luận về hành vi phạm tội đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

Bị cáo nhận thức được mọi hành vi liên quan đến ma túy đều bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi cất giấu, tàng trữ ma túy để sử dụng cho bản thân. Qua đó, thể hiện sự coi thường pháp luật, vì vậy phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo cũng như tăng cường biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm chung.

[3] Về áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu nên phải xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo. Vì vậy, bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo tàng trữ ma túy với mục đích sử dụng cho bản thân nên quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng và xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án không liên quan đến hành vi phạm tội đã được Cơ quan cảnh sát điều tra giao trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp theo Quyết định xử lý vật chứng số 101 ngày 22 tháng 6 năm 2018. Đối với vật

chứng là số ma túy thu giữ của bị cáo, đã được sử dụng hết trong quá trình giám định, không hoàn lại nên không đề cập giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000^d tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ: Điểm i khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51 - Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Việt T** phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Việt T 13 (mười ba)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 29/4/2018.

2. Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án đã được xử lý nên không đề cập giải quyết.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Khoản 1 Điều 21; Điểm a khoản 1 Điều 23; Danh mục án phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Việt T phải nộp 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát ND-TP. Uông Bí;
- Công an TP Uông Bí;
- Chi cục THADS TP. Uông Bí;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thanh Thúy

